

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/DS -ST
Ngày: 17/8/2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng
2. Ông Nguyễn Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở TAND thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2020/TLST-DS ngày 27/4/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXX-DS ngày 09/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2020/QĐST – DS ngày 29/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lương Thị N – Giám đốc Phòng giao dịch 103. (có mặt)

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Số A, L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phạm Thị Quỳnh H, sinh năm 1988 (vắng mặt)
2. Chị Phạm Thanh U, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A, đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/01/2019, Ngân hàng N Chi nhánh khu công nghiệp Đ – Phòng giao dịch số 103 (viết tắt là Ngân hàng) và anh Hoàng Văn T ký hợp đồng tín dụng số 2502LAV201900008 với nội dung như sau: Số tiền vay 360.000.000đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Sử dụng vào mục đích nhu cầu đời sống của gia đình (sửa chữa nhà bếp, nhà vệ sinh, mua sắm đồ nội thất, đồ dùng sinh hoạt gia đình); thời hạn vay: 60 tháng, ngày đến hạn cuối cùng 03/01/2024; định kỳ trả tiền gốc, tiền lãi được ghi cụ thể trên bảng theo dõi tiền vay và kỳ hạn trả nợ đính kèm Hợp đồng tín dụng (có chữ

ký của người vay- anh T), lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 11,5%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả: 10%/năm trên số lãi chậm trả; hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản, phương thức giải ngân: Chuyển vào tài khoản của anh Hoàng Văn T (thể hiện tại Báo cáo đề xuất giải ngân ngày 04/01/2019).

Ngày 03/01/2019 chị Phạm Thị Quỳnh H, chị Phạm Thanh U và Ngân hàng đã ký Hợp đồng thế chấp số 2019013001/HĐTC để đảm bảo cho khoản vay của anh T nêu trên. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất có địa chỉ tại cụm H, phường H, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang thửa số 305 tờ bản đồ số 28, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành X013247, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01440QSDĐ/số 736/QĐ-CT(H) cấp ngày 19/9/2003, diện tích = 34,59m². Việc thế chấp tài sản đảm bảo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định, được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn N, được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B.

Ngân hàng xác định khoản tiền vay nêu trên là khoản vay chung của anh T chị H vì mục đích vay là sử dụng vào nhu cầu đời sống của gia đình; việc vay phát sinh trong thời kỳ anh T và chị H là vợ chồng, có sự bàn bạc thống nhất của vợ chồng (thể hiện tại Hợp đồng ủy quyền ngày 03/01/2019)

Quá trình vay nợ, anh T chị H mới trả Ngân hàng được 5000.000đồng tiền gốc vào ngày 02/3/2020, về tiền lãi mới trả được 02 tháng tiền lãi là 6.351.781 đồng. Anh T, chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc từ ngày 03/01/2020. Do đã nhiều lần yêu cầu anh T chị H trả nợ nhưng không có kết quả nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

- Buộc anh Hoàng Văn T và chị Phạm Thị Quỳnh H phải trả Ngân hàng A Việt Nam số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2502LAV201900008 ngày 04/01/2019 tạm tính đến ngày 06/4/2020 là 401.580.198 đồng (trong đó: nợ gốc: 355.000.000 đồng, nợ lãi: 46.580.198 đồng) và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 07/4/2020 đến ngày trả hết nợ.

- Trường hợp anh T, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 305, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: Cụm H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, diện tích 34,59 m² theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2019013001/HĐTC ngày 03/01/2019.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn là anh Hoàng Văn T trình bày:

Ngày 04/01/2019, anh ký hợp đồng tín dụng số 2502LAV201900008 với Ngân hàng A chi nhánh khu công nghiệp Đ – Phòng giao dịch số 103 để vay số tiền 360.000.000đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Sử dụng vào mục đích nhu cầu đời sống của gia đình (sửa chữa nhà bếp, nhà vệ sinh, mua sắm đồ nội thất, đồ dùng sinh hoạt gia đình). Về thời hạn vay, lãi suất, kỳ hạn trả nợ như Ngân hàng đã trình bày.

Sau ký hợp đồng nêu trên, anh đã được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền 360 triệu đồng. Quá trình vay nợ anh mới trả Ngân hàng được 5000.000đồng tiền gốc và khoảng 1 đến 2 tháng tiền lãi. Do việc làm ăn gặp nhiều khó khăn nên anh không thực hiện đúng cam kết trả nợ, không được Ngân hàng cho gia hạn nợ hay cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 03/01/2019 chị Phạm Thị Quỳnh H (là vợ anh) và chị Phạm Thanh U (là em gái chị H) đã ký Hợp đồng thế chấp số

2019013001/HĐTC. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất có địa chỉ tại cụm H, phường H, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang thửa số 305 tờ bản đồ số 28, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01440QSDĐ/số 736/QĐ-CT(H) cấp ngày 19/9/2003, diện tích = 34,59m². Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị H và chị U.

Khoản vay 360 triệu đồng là khoản vay chung của vợ chồng anh. Anh không có ý kiến gì về hợp đồng tín dụng, về hợp đồng thế chấp.

Ngân hàng khởi kiện buộc vợ chồng anh thanh toán cho Ngân hàng số nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2502LAV201900008 ngày 04/01/2019 tạm tính đến ngày 06/4/2020 là 401.580.198 đồng (trong đó nợ gốc: 355.000.000đồng, nợ lãi: 46.580.198 đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ ngày 07/4/2020 đến khi ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng, anh đồng ý nhưng do kinh tế khó khăn nên đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng trả dần khoản nợ còn lại, mỗi tháng từ 5000.000đồng đến 10.000.000đồng.

Trường hợp vợ chồng anh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 2019013001/HĐTC ngày 03/01/2019 anh không đồng ý vì trị giá tài sản thế chấp là nhà đất lớn hơn rất nhiều khoản tiền vợ chồng anh còn nợ Ngân hàng.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị Quỳnh H trình bày:

Chị H thống nhất với ý kiến anh T trình bày về thời gian, quá trình vay nợ tại Ngân hàng. Khoản tiền vay 360 triệu đồng anh T ký vay Ngân hàng là khoản vay chung của chị và anh T. Do vợ chồng làm khó khăn nên chưa trả Ngân hàng được như cam kết, thỏa thuận.

Về số tiền vợ chồng đã trả, số tiền vợ chồng còn nợ như Ngân hàng khởi kiện là đúng. Do kinh tế khó khăn nên đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng trả dần khoản nợ còn lại, mỗi tháng từ 5000.000đồng đến 10.000.000đồng.

Ngày 03/01/2019 chị và Phạm Thanh U (là em gái) đã ký Hợp đồng thế chấp số 2019013001/HĐTC để đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng chị. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất có địa chỉ tại cụm H, phường H, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang thửa số 305 tờ bản đồ số 28, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01440QSDĐ/ số 736/ QĐ-CT(H) cấp ngày 19/9/2003, diện tích = 34,59m². Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị và chị U, chị không có ý kiến gì về việc thế chấp, việc thế chấp là hoàn toàn tự nguyện.

Trường hợp vợ chồng chị không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 2019013001/HĐTC ngày 03/01/2019 chị không đồng ý vì trị giá tài sản thế chấp là nhà đất lớn hơn rất nhiều khoản tiền còn nợ Ngân hàng.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị Huyền trình bày:

Chị được biết vào khoảng năm 2019 chị Phạm Thị Quỳnh H và anh Hoàng Văn T có vay tiền của Ngân hàng A Việt Nam chi nhánh khu công nghiệp Đ – Phòng giao dịch số 103, mục đích vay như anh chị nói để sửa chữa nhà bếp, nhà vệ sinh, mua sắm đồ nội thất, đồ dùng sinh hoạt gia đình. Anh chị H- T có nói với chị để vay được tiền Ngân hàng thì phải có tài sản thế chấp vào Ngân hàng và có nhờ chị ký, thế chấp tài sản là nhà đất ở số A, đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang vào Ngân hàng vì tài sản nhà đất là của chị và chị gái là H. Chị đồng ý với đề nghị của anh T chị H. Do vậy, ngày 03/01/2019 chị và chị Phạm Thị Quỳnh H đã ký Hợp đồng thế chấp số 2019013001/HĐTC với Ngân hàng A Việt Nam chi nhánh khu công nghiệp Đ – Phòng giao dịch số 103, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất có địa chỉ tại cụm H, phường H, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang thuộc thửa số 305 tờ bản đồ số 28, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành X013247, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01440QSDĐ/số 736/QĐ-CT(H) cấp ngày 19/9/2003 cho chị và chị H, diện tích = 34,59m² để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay của anh T chị H. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị và chị H. Việc chị thế chấp tài sản nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, chữ ký trong hợp đồng thế chấp là của chị. Chị không có ý kiến gì về việc thế chấp.

Nếu vợ chồng anh T chị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp chị đã ký chị không đồng ý vì trị giá tài sản thế chấp là nhà đất lớn hơn rất nhiều khoản tiền anh T chị H còn nợ Ngân hàng.

Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng không được do bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải.

Tại phiên tòa ngày 29/7/2020: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 17/8/2020:

Nguyên đơn trình bày:

- Yêu cầu anh Hoàng Văn T và chị Phạm Thị Quỳnh H phải trả cho Ngân hàng A Việt Nam số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2502LAV201900008 ngày 04/01/2019 tính đến ngày 17/8/2020 là 417.859.945 đồng (trong đó: nợ gốc: 355.000.000 đồng, nợ lãi: 62.859.945 đồng) và toàn bộ lãi phát sinh kể đến ngày trả hết nợ, mức lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

- Trường hợp anh T chị H không trả hoặc trả không hết nợ thì đề nghị phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp đã ký.

- Không đồng ý với đề nghị trả dần của bị đơn

Bị đơn không có ý kiến gì về hợp đồng tín dụng, về hợp đồng thế chấp; đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về yêu cầu trả tiền gốc, tiền lãi; không có ý kiến gì về yêu cầu phát mại tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Buộc anh Hoàng Văn T, chị Phạm Thị Quỳnh H phải trả Ngân hàng A Việt Nam số tiền tính đến ngày 17/8/2020 417.859.945 đồng trong đó: nợ gốc: 355.000.000 đồng, nợ lãi: 62.859.945 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2502LAV201900008 ngày 04/01/2019 .

+ Trường hợp anh Hoàng Văn T, chị Phạm Thị Quỳnh H không trả hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng A Việt Nam thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mai, xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất có địa chỉ tại cụm H, phường H, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang thuộc thửa số 305 tờ bản đồ số 28, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành X013247, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01440QSDĐ/số 736/QĐ-CT(H) cấp ngày 19/9/2003, diện tích = 34,59m² theo hợp đồng thế chấp số 2019013001/HĐTC ngày 03/01/2020 để thu hồi nợ + Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Anh Hoàng Văn T, chị Phạm Thị Quỳnh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị Quỳnh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị Huyền vắng mặt nhưng có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng A Việt Nam khởi kiện yêu cầu anh Hoàng Văn T, chị Phạm Thị Quỳnh H trả tiền gốc, tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký do anh T chị H vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận, cam kết trong hợp đồng tín dụng. Bị đơn là cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh, vay tiền nhằm mục đích phục vụ nhu cầu gia đình. Căn cứ Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là quan hệ dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu đòi nợ gốc và toàn bộ nợ lãi, HĐXX thấy:

[2.1.1]. Theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu do nguyên đơn cung cấp thì ngày 04/01/2019 anh T ký hợp đồng tín dụng số 2502LAV201900008 với Ngân hàng A Việt Nam để vay 360.000.000 đồng. Ngày 04/01/2019, anh T được Ngân hàng giải ngân số tiền 360.000.000 đồng bằng hình thức chuyển vào tài khoản của anh Hoàng Văn T .

[2.1.2] Mặc dù tại hợp đồng tín dụng chỉ có anh T ký, chị H không ký nhưng mục đích sử dụng tiền vay tại hợp đồng đều ghi rõ để phục vụ nhu cầu đời sống gia đình. Quá trình giải quyết vụ án anh T, chị H đều xác định các khoản tiền vay tại hợp đồng tín dụng này để phục vụ chung trong gia đình, là khoản vay nợ chung của vợ

chồng, vợ chồng đã có sự thỏa thuận, bàn bạc thống nhất thể hiện tại hợp đồng ủy quyền ngày ngày 03/01/2019 (BL 121). Do vậy, xác định khoản tiền vay này là khoản vay chung của anh T, chị H.

[2.1.3] Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên và lịch thanh toán nợ vay thì anh T, chị H vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi kể từ ngày 03/01/2020. Việc anh T, chị H không thực hiện trả nợ gốc, nợ lãi theo kỳ hạn trả nợ là vi phạm điều khoản trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 17/8/2020, anh T, chị H còn nợ Ngân hàng số nợ gốc là 355.000.000đồng; nợ lãi là 62.859.945 đồng như Ngân hàng yêu cầu là đúng. Anh T, chị H không có ý kiến gì về số tiền còn nợ, về hợp đồng tín dụng. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T, chị H trả số tiền nêu trên là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng và có căn cứ theo khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.2]. Về yêu cầu của nguyên đơn đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký thì thấy: Ngày 03/01/2019, chị Phạm Thị Quỳnh H và Phạm Thanh U đã ký Hợp đồng thế chấp số 2019013001/HĐTC dùng tài sản là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất có địa chỉ tại cụm H, phường H, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang thuộc thửa số 305 tờ bản đồ số 28, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành X013247, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01440QSDĐ/số 736/QĐ-CT(H) cấp ngày 19/9/2003, diện tích = 34,59m² để đảm bảo cho khoản vay của anh T chị H tại Ngân hàng. Việc thế chấp được lập thành hợp đồng, được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Ngọc, được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B. Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không có ý kiến gì về việc thế chấp tài sản, về hợp đồng thế chấp và xác định tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bên thế chấp. Việc bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đồng ý phát mại tài sản thế chấp vì xác định trị giá tài sản thế chấp lớn hơn nhiều khoản tiền nợ Ngân hàng là không phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng thế chấp. Do vậy, nguyên đơn đề nghị phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng thế chấp, văn bản cam kết ngày 23/01/2019 cũng như phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên anh T, chị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1000.000đồng do yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần buộc anh T, chị H phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 90; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 317, Điều 319, Điều 322, khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A Việt Nam.

1. Buộc anh Hoàng Văn T, chị Phạm Thị Quỳnh H phải trả Ngân hàng A Việt Nam số tiền tính đến ngày 17/8/2020 417.859.945 đồng (*bằng chữ: Bốn trăm mười bảy triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng*) trong đó: nợ gốc: 355.000.000 đồng, nợ lãi: 62.859.945 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2502LAV201900008 ngày 04/01/2019 .

2. Trường hợp anh Hoàng Văn T, chị Phạm Thị Quỳnh H không trả hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng A Việt Nam thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại, xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất có địa chỉ tại cụm H, phường H, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang thuộc thửa số 305 tờ bản đồ số 28, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành X013247, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01440QSDĐ/số 736/QĐ-CT(H) cấp ngày 19/9/2003, diện tích = 34,59m² theo hợp đồng thế chấp số 2019013001/HĐTC ngày 03/01/2020 để thu hồi nợ.

3. Về án phí:

- Anh Hoàng Văn T, chị Phạm Thị Quỳnh H phải chịu 20.714.397 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng A Việt Nam 13.039.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001223 ngày 24/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

4. Về chi phí tố tụng:

- Anh Hoàng Văn T, chị Phạm Thị Quỳnh H phải chịu 1000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản.

- Ngân hàng Ngân hàng A Việt Nam được nhận lại 1000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ khi anh Hoàng Văn T, chị Phạm Thị Quỳnh H nộp.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND Tp B.
- CCTHADS Tp B .
- Các đ- ơng sự.
- L- u HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Luyện

